

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
TỈNH ĐỒNG NAI

Bản án số: **67/2018/DS-ST**

Ngày: 09/10/2018

V/v: “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Thìn.
2. Bà Thiều Thị Phi Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuyền – Thư ký tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 09 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 510/2017/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2018/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 9 năm 2018, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông **Trần Đăng K**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: 744B/5, khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Quốc V**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: 35 lô B4, khu phố 11, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông **Võ Văn P**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: 136/5, K3 đường 3, khu phố 7, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Ông V, ông P có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/7/2017; bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc V trình bày:***

Ngày 28/5/2013, ông K và ông P có ký hợp đồng vay tiền tại Văn phòng công chứng T, theo hợp đồng thì ông K cho ông P vay số tiền là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng), thời hạn vay là 06 tháng, lãi suất thỏa thuận miệng là 12%/năm. Sau khi ký hợp đồng thì ông K đã giao tiền cho ông P làm 02 đợt, mỗi đợt là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng); đợt 01 vào ngày 04/6/2013 và đợt 02 vào ngày 11/6/2013, khi giao tiền thì có làm giấy giao nhận tiền.

Sau khi vay tiền thì ông P chưa trả cho ông K tiền lãi mà chỉ trả được 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) tiền gốc, còn lại 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) ông P chưa trả. Tại biên bản làm việc ngày 12/4/2018, ông P cam kết trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày ký biên bản sẽ trả tiền cho ông K, nhưng đến nay ông P mới chỉ trả thêm được số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Nay ông K khởi kiện ông P phải trả lại số tiền gốc còn lại 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng), ông K không yêu cầu ông P phải trả tiền lãi.

**** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn ông Võ Văn P trình bày:***

Trước khi ký hợp đồng vay tiền thì ông chỉ hỏi vay ông K số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Sau đó hai bên thống nhất đến phòng công chứng để làm hợp đồng vay 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Vào ngày 28/5/2013, tại Văn phòng công chứng T ông và ông K có ký hợp đồng vay tiền nhưng do sơ suất và tin tưởng ông K nên không đọc hợp đồng vay tiền giữa hai bên, ông không biết trong hợp đồng vay là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng). Sau khi ký hợp đồng vay tiền thì ngay tại phòng công chứng ông K có giao cho ông số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Ông K có đưa cho ông ký tên vào 02 giấy giao nhận tiền, trong đó có 01 giấy ông ký và có ghi thêm “đã nhận đủ hai trăm triệu đồng”; 01 giấy ông chỉ ký tên và ông K nói mỗi bên giữ 01 bản, nhưng do sơ suất nên ông không giữ bản nào.

Sau khi vay thì ông đã trả cho ông K được 04 lần, tổng cộng 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng), ông chỉ làm biên nhận trả tiền vào ngày 11/12/2015 là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) còn 03 lần khác thì ông không yêu cầu ông K làm biên nhận đã nhận tiền.

Nay ông K khởi kiện yêu cầu ông trả số tiền nợ gốc là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) thì ông không đồng ý vì ông chỉ vay của ông K số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án là phù hợp, đúng với quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, ông P thừa nhận giữa ông và ông K có đến Văn phòng công chứng ký hợp đồng vay tiền, chữ ký trong hợp đồng vay tiền và chữ ký tại 02 giấy nhận tiền là của ông nhưng do sơ suất nên ông không xem lại nội dung và không giữ lại 01 bản; ông cho rằng chỉ vay của ông K số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) nhưng lại không cung cấp tài liệu chứng minh lời trình bày của mình là không có cơ sở.

Ông K đã cung cấp cho Tòa án bản chính hợp đồng vay tiền ngày 28/5/2013, giấy giao nhận tiền ngày 04/6/2013 và giấy giao nhận tiền ngày 11/6/2013 thể hiện việc giữa ông và ông P vay tiền, giao nhận số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) và đã trả 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận. Buộc ông P có trách nhiệm trả cho ông K số tiền nợ gốc 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng). Ông K không yêu cầu ông P trả lãi nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*** Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.**

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Võ Văn P có nơi cư trú tại địa chỉ: 136/5, K3 đường 3, khu phố 7, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Về thủ tục ủy quyền: Ông Trần Đăng K ủy quyền cho ông Nguyễn Quốc V theo văn bản ủy quyền ngày 26/7/2017 làm người đại diện tham gia giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Tại phiên tòa, ông V, ông P có mặt nên Tòa án tiến hành đưa vụ án xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Ông V trình bày: Ngày 28/5/2013, ông K và ông P có ký hợp đồng vay tiền tại Văn phòng công chứng T, theo hợp đồng thì ông K cho ông P vay số tiền là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng), thời hạn vay là 06 tháng, lãi suất thỏa

thuận miệng là 12%/năm. Sau khi ký hợp đồng thì ông K đã giao tiền cho ông P làm 02 đợt, mỗi đợt là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng); đợt 01 vào ngày 04/6/2013 và đợt 02 vào ngày 11/6/2013, khi giao tiền thì có làm giấy giao nhận tiền.

Sau khi vay tiền thì ông P chưa trả cho ông K tiền lãi mà chỉ trả được 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) tiền gốc. Sau khi Tòa án thụ lý giải quyết, ông P có trả cho ông K được 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) sau đó không trả nữa. Nay ông K khởi kiện ông P phải trả lại số tiền gốc còn lại 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng), ông K không yêu cầu ông P phải trả tiền lãi.

Ông P thừa nhận giữa ông và ông K có đến Văn phòng công chứng ký hợp đồng vay tiền, chữ ký trong hợp đồng vay tiền và chữ ký tại 02 giấy nhận tiền là của ông nhưng do sơ suất nên ông không xem lại nội dung và không giữ lại 01 bản; ông cho rằng chỉ vay của ông K số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) nhưng lại không cung cấp tài liệu chứng minh lời trình bày của mình là không có cơ sở.

Ông K đã cung cấp cho Tòa án bản chính hợp đồng vay tiền ngày 28/5/2013, giấy giao nhận tiền ngày 04/6/2013 và giấy giao nhận tiền ngày 11/6/2013 thể hiện việc giữa ông và ông P vay tiền, giao nhận số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) và đã trả 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận. Buộc ông P có trách nhiệm trả cho ông K số tiền nợ gốc 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng). Ông K không yêu cầu ông P trả lãi nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Ông Võ Văn P phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 12.500.000đ (mười hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Trả lại cho ông Trần Đăng K số tiền 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 002683 ngày 27/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 227, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 463, 464, 465, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2005; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đăng K về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài” đối với ông Võ Văn P.

Buộc ông Võ Văn P phải có trách nhiệm trả cho ông Trần Đăng K số tiền nợ gốc là 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí: Ông Võ Văn P phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 12.500.000đ (mười hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Trả lại cho ông Trần Đăng K số tiền 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 002683 ngày 27/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

Ông Trần Đăng K và ông Võ Văn P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận

- TAND tỉnh
- VKSND TP.Biên Hòa
- THA Biên Hòa
- Đường sự (2)
- Lưu (4)

Trần Thị Mỹ Hạnh